

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: THÁCH THỨC TỪ THỰC THI VÀ GIÁM SÁT THỰC THI Ở VIỆT NAM

LẠI VĂN HẢI

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Nhận bài ngày 10/4/2026. Sửa chữa xong 14/5/2026. Duyệt đăng 05/6/2026.

Abstract

This article examines human rights in Viet Nam's digital age from the perspective of implementation and implementation monitoring. Based on the 2013 Constitution, the 2025 Law on Personal Data Protection, and selected international materials on human rights-based digital governance, it argues that the current challenge lies not only in the formal recognition of rights but mainly in implementation, risk control, and accountability. The study shows that personal data, digital platforms, and artificial intelligence create both opportunities and new risks for human rights, especially the rights to privacy, to be informed, and to control personal information. It therefore proposes legal improvement, stronger independent monitoring, enhanced implementation capacity, and more transparent accountability mechanisms to better protect human rights in Viet Nam's digital environment.

Keywords: Human rights, digital age, implementation, monitoring, risk, accountability, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Quyền con người trong kỷ nguyên số là vấn đề có ý nghĩa ngày càng sâu rộng cả về lý luận lẫn thực tiễn, bởi sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản cách thức con người tiếp cận, thụ hưởng và bị tác động bởi các quyền cơ bản của mình. Nếu trước đây việc bảo vệ quyền con người chủ yếu được nhìn nhận qua khung hiến định và pháp luật truyền thống, thì ngày nay, dữ liệu cá nhân, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống tự động ra quyết định đã trở thành những không gian mới nơi quyền con người có thể được thúc đẩy nhưng cũng có thể bị xâm hại (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 8-12).

Ở Việt Nam, quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước là quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời việc thực hiện các quyền đó phải gắn với lợi ích của quốc gia, dân tộc và quyền, lợi ích hợp pháp của người khác (Quốc hội, 2021, tr. 14-16). Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng và cụ thể hóa nhiều nội dung quan trọng về quyền con người, quyền công dân, đồng thời xác lập nguyên tắc hạn chế quyền chỉ có thể được thực hiện theo luật trong những trường hợp cần thiết. Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, tiếp tục đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc cụ thể hóa quyền riêng tư và quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân trong môi trường số (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 2-4). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc có quy định pháp luật chưa đồng nghĩa với việc quyền được bảo đảm đầy đủ. Trong môi trường số, rủi ro vi phạm quyền con người có thể phát sinh từ việc thu thập dữ liệu quá mức, xử lý dữ liệu thiếu minh bạch, lạm dụng giám sát, sử dụng thuật toán thiên lệch, hoặc từ sự chậm trễ trong việc phát hiện và xử lý vi phạm. Điều này đặt ra yêu cầu phải chuyển từ tư duy mô tả pháp lý sang tư duy quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình (OHCHR, 2024, tr. 5-7; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Từ yêu cầu đó, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý của bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên số; phân tích thực trạng thực thi và giám sát thực thi ở Việt Nam; đánh giá các vấn đề đặt ra đối với cơ chế bảo vệ quyền hiện nay; đồng thời đề xuất một số định hướng hoàn thiện nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền con người trong bối cảnh xã hội số (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; OHCHR, 2024, tr. 7-9).

Email: laivanhai80@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và pháp lý của bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên số

Quyền con người trong kỷ nguyên số là sự mở rộng tất yếu của quyền con người trong bối cảnh xã hội số hóa, nơi dữ liệu cá nhân, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống tự động ra quyết định trở thành những yếu tố tác động trực tiếp đến việc thụ hưởng quyền của mỗi cá nhân. Nếu trong mô hình truyền thống, quyền con người chủ yếu được bảo đảm thông qua Hiến pháp và hệ thống pháp luật công quyền, thì trong môi trường số, quyền đó còn phải được bảo vệ thông qua cơ chế quản trị dữ liệu, kiểm soát rủi ro công nghệ và trách nhiệm giải trình của các chủ thể có liên quan (Đoàn Trường Thụy, 2019, tr. 45-47; Quốc hội, 2025, tr. 12-15).

Về mặt lý luận, quyền con người là những quyền vốn có, gắn với phẩm giá, tự do và sự phát triển của con người. Trong kỷ nguyên số, nội hàm của quyền con người không thay đổi về bản chất nhưng cách thức thực thi và nguy cơ bị xâm hại đã thay đổi rất lớn. Con người không chỉ xuất hiện trong không gian vật lý mà còn hiện diện thường xuyên trong không gian số thông qua thiết bị di động, tài khoản trực tuyến, hồ sơ dữ liệu, tương tác trên nền tảng và các dịch vụ công trực tuyến. Điều này khiến dữ liệu cá nhân trở thành dấu vết của con người trong môi trường số; từ đó, quyền riêng tư, quyền kiểm soát dữ liệu, quyền được biết, quyền được giải thích và quyền yêu cầu khắc phục vi phạm trở thành những biểu hiện trực tiếp và quan trọng của quyền con người (Đoàn Trường Thụy, 2019, tr. 45-47; OHCHR, 2025a, tr. 3-5).

Từ góc độ quản trị cho thấy, bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên số không thể chỉ dừng ở việc ghi nhận quyền trong văn bản pháp luật mà phải được nhìn nhận như một quá trình thực thi có kiểm soát, trong đó Nhà nước, doanh nghiệp, nền tảng số và các tổ chức xử lý dữ liệu đều phải chịu trách nhiệm về rủi ro mà hoạt động số của mình có thể tạo ra. Cách tiếp cận dựa trên rủi ro trở nên đặc biệt quan trọng vì không phải mọi hoạt động số đều có mức độ tác động như nhau đối với quyền con người (UNESCO, 2026, tr. 14-18; OHCHR, 2024, tr. 6-8).

Về cơ sở pháp lý ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 là nền tảng hiến định quan trọng khi khẳng định Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đồng thời quy định quyền chỉ có thể bị hạn chế theo luật trong những trường hợp cần thiết. Trên nền tảng này, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã cụ thể hóa nhiều quyền của chủ thể dữ liệu như quyền được biết, quyền đồng ý hoặc không đồng ý, quyền rút lại sự đồng ý, quyền chỉnh sửa, xóa, hạn chế xử lý dữ liệu, quyền khiếu nại, tố cáo và yêu cầu bồi thường. Những quy định đó cho thấy pháp luật Việt Nam đã có bước tiến từ việc ghi nhận quyền ở mức nguyên tắc sang việc thiết lập cơ chế pháp lý trực tiếp để bảo vệ quyền trong môi trường số (Quốc hội, 2021, tr. 14-16; Quốc hội, 2025, tr. 18-24).

Bên cạnh Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, các tài liệu quốc tế và hướng dẫn về quản trị số dựa trên quyền con người cũng cung cấp cơ sở quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam. Theo các hướng dẫn của OHCHR và UNESCO, bảo vệ quyền con người trong môi trường số đòi hỏi phải áp dụng nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, đánh giá tác động quyền con người trước khi triển khai công nghệ, thiết lập cơ chế minh bạch và giám sát độc lập, đồng thời bảo đảm rằng các chủ thể liên quan có thể giải trình và khắc phục vi phạm một cách hiệu quả (UNESCO, 2026, tr. 20-24; OHCHR, 2024, tr. 7-9).

2.2. Thực trạng thực thi và giám sát thực thi quyền con người trong kỷ nguyên số ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là thông qua quá trình hoàn thiện Hiến pháp, pháp luật và hệ thống chính sách liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Trong bối cảnh chuyển đổi số, thành tựu này tiếp tục được mở rộng sang lĩnh vực dữ liệu cá nhân, dịch vụ công trực tuyến, quản trị nền tảng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc bảo đảm quyền con người trong môi trường số không chỉ phụ thuộc vào sự đầy đủ của quy phạm pháp luật mà còn phụ thuộc rất lớn vào khả năng thực thi và giám sát thực thi trên thực tế (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Trước hết, có thể khẳng định rằng Việt Nam đã xây dựng được nền tảng pháp lý ngày càng rõ hơn cho việc thực thi quyền con người trong kỷ nguyên số. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định Nhà

nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đồng thời quy định rõ giới hạn quyền chỉ có thể được thực hiện theo luật trong những trường hợp cần thiết. Trên nền tảng đó, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã cụ thể hóa nhiều quyền của chủ thể dữ liệu như quyền được biết, quyền đồng ý hoặc không đồng ý, quyền rút lại sự đồng ý, quyền chỉnh sửa, xóa, hạn chế xử lý dữ liệu, cũng như quyền khiếu nại, tố cáo và yêu cầu bồi thường (Quốc hội, 2021, tr. 14-16; Quốc hội, 2025, tr. 18-24). Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia xã hội và quyền thụ hưởng các dịch vụ công thông qua các nền tảng số. Việc số hóa hành chính công, phát triển dịch vụ công trực tuyến, mở rộng thanh toán điện tử và tăng cường ứng dụng công nghệ trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội đã góp phần mở rộng không gian thực thi quyền của người dân. Ở góc độ này, chuyển đổi số tạo ra điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện quyền nhanh hơn, thuận tiện hơn và ít tốn kém hơn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 8-12). Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy việc thực thi quyền trong môi trường số đang phải đối mặt với nhiều rủi ro mới. Dữ liệu cá nhân hiện được thu thập qua nhiều kênh như mạng xã hội, thương mại điện tử, dịch vụ tài chính số, ứng dụng di động và cổng dịch vụ công trực tuyến; trong khi đó, mức độ hiểu biết của người dân về quyền dữ liệu, cách thức xử lý dữ liệu và các công cụ tự bảo vệ còn hạn chế. Điều này làm gia tăng nguy cơ rò rỉ dữ liệu, lạm dụng dữ liệu, theo dõi hành vi người dùng hoặc xử lý dữ liệu vượt quá mục đích đã thông báo (Lê Anh, 2022; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6). Bên cạnh đó, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và hệ thống tự động ra quyết định có thể dẫn đến nguy cơ phân loại sai, định kiến thuật toán và tác động bất lợi đến việc tiếp cận cơ hội của các nhóm yếu thế. Nói cách khác, rủi ro đối với quyền con người trong kỷ nguyên số không còn nằm ở riêng một hành vi vi phạm đơn lẻ mà nằm trong chính cấu trúc vận hành của hệ thống số nếu thiếu kiểm soát thích đáng (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2025, tr. 6-7).

Một vấn đề nổi bật khác là cơ chế giám sát thực thi quyền vẫn chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Về nguyên tắc, bảo vệ quyền không thể chỉ dừng ở việc ban hành quy định mà còn cần có cơ chế kiểm tra, theo dõi, cảnh báo và xử lý vi phạm. Tuy nhiên, trong thực tiễn, nhiều tổ chức và doanh nghiệp vẫn chưa xây dựng đầy đủ quy trình nội bộ về bảo vệ dữ liệu, quản lý rủi ro hay ứng phó sự cố. Hệ thống giám sát nhà nước cũng còn gặp khó khăn trong việc xác định trách nhiệm của từng chủ thể khi quyền bị xâm hại, nhất là trong các tình huống có nhiều bên cùng tham gia vào quá trình xử lý dữ liệu hoặc vận hành nền tảng số (OHCHR, 2024, tr. 7-9; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Hơn nữa, thực tiễn cho thấy nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân về quyền số vẫn còn hạn chế. Không ít trường hợp chủ thể xử lý dữ liệu coi dữ liệu chỉ là tài nguyên kỹ thuật, còn người dân lại chấp nhận các điều khoản sử dụng mà không thực sự hiểu quyền và nghĩa vụ của mình. Khi khoảng cách nhận thức còn lớn, cơ chế giám sát thực thi khó có thể phát huy hiệu quả đầy đủ, vì giám sát chỉ thực sự vận hành tốt khi có chủ thể được trang bị đủ thông tin để nhận diện, phản ánh và yêu cầu khắc phục vi phạm (Lê Anh, 2022; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Cũng cần lưu ý rằng môi trường số làm thay đổi cả phương thức xâm phạm quyền lẫn khả năng chứng minh vi phạm. Nhiều hành vi không để lại dấu vết rõ ràng đối với người dùng nhưng lại được ghi nhận dưới dạng log hệ thống, dữ liệu hành vi hoặc quyết định thuật toán mà cá nhân khó tiếp cận. Điều đó khiến gánh nặng chứng minh thường nghiêng về phía người bị ảnh hưởng, trong khi họ lại là bên yếu thế hơn về thông tin và kỹ năng kỹ thuật. Vì vậy, trong tổ chức thực thi cần coi nghĩa vụ lưu vết, công khai quy trình và hỗ trợ giải thích quyết định là một bộ phận của trách nhiệm bảo vệ quyền chứ không phải chỉ là yêu cầu kỹ thuật nội bộ của đơn vị vận hành (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; OHCHR, 2024, tr. 7-9).

2.3. Vấn đề đặt ra trong bảo đảm quyền con người trong kỷ nguyên số ở Việt Nam

Những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, thể hiện ở việc ngày càng hoàn thiện hệ thống pháp luật, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công và từng bước cụ thể hóa các quyền của người dân trong môi trường số. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên số, việc bảo đảm quyền con người không chỉ phụ thuộc vào việc ghi nhận quyền trong Hiến pháp và pháp luật mà còn phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả thực thi và giám sát thực thi trên

thực tế. Thực tiễn cho thấy, nếu cơ chế thực thi yếu hoặc giám sát không đầy đủ, các quyền được thừa nhận trên văn bản có thể khó đi vào đời sống, thậm chí bị suy giảm bởi các rủi ro công nghệ, rủi ro dữ liệu và rủi ro quản trị (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

Thứ nhất, hạn chế của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và chủ thể thực thi pháp luật trong nhận thức về quyền con người trong môi trường số vẫn là vấn đề đáng chú ý. Quyền con người trong kỷ nguyên số là một lĩnh vực mới, phức tạp, đòi hỏi sự hiểu biết không chỉ về pháp luật hiến định mà còn về dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro. Do đó, nâng cao năng lực nhận thức và kỹ năng thực thi là điều kiện tiên quyết để bảo vệ quyền con người trong môi trường số (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Thứ hai, hạn chế trong cơ chế giám sát thực thi quyền con người là một điểm nghẽn lớn. Bảo vệ quyền không thể chỉ dừng ở việc ban hành luật mà còn phải có cơ chế theo dõi, kiểm tra, cảnh báo và xử lý vi phạm kịp thời. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều chủ thể xử lý dữ liệu chưa xây dựng đầy đủ quy trình nội bộ về bảo vệ dữ liệu, đánh giá tác động quyền con người, lưu trữ hồ sơ xử lý hay thông báo sự cố khi có vi phạm. Nếu thiếu cơ chế giám sát độc lập, liên tục và có khả năng phát hiện sớm, việc thực thi quyền con người rất dễ rơi vào tình trạng hình thức (OHCHR, 2024, tr. 6-8; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

Thứ ba, khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực thi vẫn còn khá rõ. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã ghi nhận nhiều quyền quan trọng của chủ thể dữ liệu nhưng việc biến các quyền đó thành quyền năng thực chất trong đời sống lại phụ thuộc vào năng lực tổ chức thực hiện của các cơ quan, doanh nghiệp và nền tảng số. Trên thực tế, người dân thường khó nắm bắt đầy đủ dữ liệu của mình đang được thu thập, xử lý và chia sẻ ra sao; trong khi đó, cơ chế phản hồi, khiếu nại hoặc khắc phục vi phạm còn chưa thật sự thuận tiện, minh bạch và nhanh chóng (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6).

Thứ tư, những rủi ro mới từ nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và xử lý dữ liệu lớn đang làm gia tăng áp lực đối với cơ chế bảo vệ quyền con người. Các hệ thống thuật toán có thể tạo ra thiên lệch, phân loại sai hoặc đưa ra quyết định ảnh hưởng đáng kể đến cơ hội tiếp cận dịch vụ, việc làm, tín dụng hay các phúc lợi xã hội. Nếu không có cơ chế giám sát và giải trình hiệu quả, công nghệ số có thể làm suy giảm quyền thay vì hỗ trợ quyền, đặc biệt đối với nhóm yếu thế, nhóm có kỹ năng số thấp hoặc nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2025, tr. 6-7).

Thứ năm, thực tiễn cho thấy vẫn còn thiếu một cơ chế ràng buộc mạnh về trách nhiệm giải trình của các chủ thể liên quan. Trong môi trường số, quyền con người có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều chủ thể cùng lúc như cơ quan nhà nước, doanh nghiệp công nghệ, nền tảng số, bên cung cấp dịch vụ và cả bên thứ ba xử lý dữ liệu. Khi xảy ra vi phạm, nếu không xác định rõ ai chịu trách nhiệm, chịu trách nhiệm đến đâu và theo cơ chế nào thì việc khắc phục hậu quả sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, yêu cầu cấp thiết hiện nay là phải xây dựng cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng hơn, đi cùng với minh bạch hóa quy trình và công khai thông tin liên quan đến bảo vệ dữ liệu, giám sát nội dung và xử lý vi phạm (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

Mặt khác, việc bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên số còn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa pháp luật chuyên ngành với cơ chế quản trị nội bộ của tổ chức. Nếu luật quy định quyền của chủ thể dữ liệu nhưng cơ quan, doanh nghiệp không có đầu mối tiếp nhận yêu cầu, không có quy trình phản hồi hoặc không phân công trách nhiệm rõ ràng, thì quyền rất khó được thực thi trên thực tế. Do đó, cùng với hoàn thiện pháp luật, cần thúc đẩy các chuẩn quản trị nội bộ như quy trình tiếp nhận yêu cầu của người dùng, cơ chế báo cáo sự cố, quy tắc kiểm soát truy cập dữ liệu và nghĩa vụ rà soát định kỳ đối với hệ thống có rủi ro cao. Đây là cầu nối trực tiếp giữa quy phạm pháp luật và hiệu quả bảo vệ quyền trong vận hành hằng ngày (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Từ đó, có thể xác định một số giải pháp trọng tâm: tiếp tục hoàn thiện pháp luật chuyên ngành về dữ liệu cá nhân và quản trị nền tảng số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ thực thi; thiết lập cơ chế giám sát độc lập và cảnh báo sớm; yêu cầu các hệ thống số có rủi ro cao phải đánh giá tác động quyền con người trước khi triển khai; đồng thời mở rộng quyền tiếp cận thông tin, quyền yêu cầu chỉnh sửa, xóa dữ liệu và quyền khiếu nại của cá nhân. Những giải pháp này cần được triển khai đồng bộ để tạo ra chuyển biến

thực chất trong môi trường số đang biến đổi nhanh chóng (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; OHCHR, 2024, tr. 5-9; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

3. Kết luận

Quyền con người là giá trị cao cả của nhân loại, mang tính phổ quát nhưng đồng thời cũng phụ thuộc vào đặc thù lịch sử, thể chế và trình độ phát triển của từng quốc gia. Trong kỷ nguyên số, bảo vệ quyền con người không còn chỉ là vấn đề của việc ghi nhận quyền trong Hiến pháp và pháp luật, mà ngày càng là vấn đề của thực thi, giám sát thực thi và quản trị rủi ro công nghệ, đặc biệt khi dữ liệu cá nhân, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống tự động ra quyết định tác động trực tiếp đến đời sống của mỗi người (Đoàn Trường Thụy, 2019, tr. 45-47; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Ở Việt Nam, quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã tạo ra nền tảng hiến định và pháp lý ngày càng rõ hơn cho việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Sự ra đời của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, cùng với các định hướng quản trị số dựa trên quyền con người, là bước tiến quan trọng trong việc cụ thể hóa các quyền của chủ thể dữ liệu và trách nhiệm của các bên liên quan. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất hiện nay không còn nằm chủ yếu ở việc có hay không có quy định pháp luật mà ở năng lực biến các quy định đó thành thực thi thực chất, minh bạch và có thể giám sát được trong thực tiễn (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; OHCHR, 2024, tr. 5-7). Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, muốn bảo vệ quyền con người hiệu quả trong kỷ nguyên số thì phải chuyển từ tư duy mô tả pháp lý sang tư duy quản trị dựa trên rủi ro và trách nhiệm giải trình. Điều đó đòi hỏi hoàn thiện pháp luật, tăng cường cơ chế giám sát, nâng cao năng lực thực thi của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và nền tảng số, đồng thời mở rộng quyền năng thực chất của người dân trong việc kiểm soát dữ liệu và yêu cầu khắc phục vi phạm. Chỉ khi quyền con người được bảo đảm không chỉ trên văn bản mà cả trong vận hành thực tế của môi trường số, mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội số ở Việt Nam mới có thể được thực hiện một cách bền vững (UNESCO, 2026, tr. 20-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6).

Trong thời gian tới, khi quá trình chuyển đổi số tiếp tục mở rộng sang y tế, giáo dục, an sinh xã hội, tài chính và quản trị đô thị, yêu cầu bảo vệ quyền con người sẽ càng trở nên cấp bách hơn. Sự thành công của chuyển đổi số không thể chỉ được đo bằng tốc độ xử lý hay mức độ kết nối mà còn phải được đo bằng khả năng bảo đảm an toàn pháp lý, bảo vệ phẩm giá con người và duy trì niềm tin của xã hội đối với các hệ thống số. Đây chính là tiêu chí quan trọng để bảo đảm rằng phát triển công nghệ ở Việt Nam luôn gắn với mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đoàn Trường Thụy (2019). *Quyền con người trong tiến bộ xã hội*. NXB Lý luận chính trị.
- LuậtVietnam (2026). Law on Personal Data Protection and the guiding documents, <https://english.luatvietnam.vn/legal-updates/the-latest-law-on-personal-data-protection-and-the-guiding-documents-892-106778-article.htm>, pp. 2-6.
- Lê Anh (2022). *Cần sớm khắc phục triệt để tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật*. <https://quochoi.vn/Pages/default.aspx>.
- Nguyễn Văn Cường (2020). *Thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 15 (415), 36-43.
- OHCHR (2024). *Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use: Guidance of the Secretary-General*. <https://www.ohchr.org/en/documents/tools-and-resources/human-rights-due-diligence-digital-technology-use-guidance-secretary>, pp. 5-9.
- OHCHR (2025a). *Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use: Data*. <https://www.ohchr.org/sites/default/files/2025-09/ohchr-brief-data.pdf>.
- OHCHR (2025b). *AI - Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use*. <https://www.ohchr.org/sites/default/files/2025-09/ohchr-brief-ai.pdf>.
- Quốc hội (2021). *Hiến pháp năm 2013 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Luật số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025, tr. 12-24.
- UNESCO (2025). *Guidelines for the governance of digital platforms*. <https://www.unesco.org/en/articles/guidelines-governance-digital-platforms>, pp. 6-7.
- UNESCO (2026). *Guidelines for the Governance of Digital Platforms*. <https://www.unesco.org/en/internet-trust/guidelines>, pp. 8-24.